

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 121/2015/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 15 tháng 7 năm 2015

**NGHỊ QUYẾT**

**SỞ TƯ PHÁP KIÊN GIANG:** Về quy định lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

<b>ĐẾN</b>	Số: 3275
	Ngày: 22/7/2015
	Chuyên: .....
	Lưu hồ sơ số: .....

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 51/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**2. Đối tượng nộp lệ phí**

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền giải quyết các công việc về địa chính như: cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; chứng nhận đăng ký biến động về đất đai; trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính.

### **3. Mức thu**

Thực hiện theo Biểu mức thu lệ phí địa chính đính kèm nghị quyết này.

### **4. Miễn thu**

a) Miễn nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.

b) Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.

### **5. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng**

a) Cơ quan thu lệ phí được trích để lại 90% trên tổng số tiền lệ phí thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để trang trải chi phí cho việc thu lệ phí, phần còn lại 10% nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách.

b) Tổ chức, cơ quan hoặc đơn vị được ủy quyền thu lệ phí phải niêm yết và công khai mức thu áp dụng thống nhất tại quầy thu ngân nơi trực tiếp thu lệ phí.

#### **Điều 2. Thời gian thực hiện**

Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

#### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

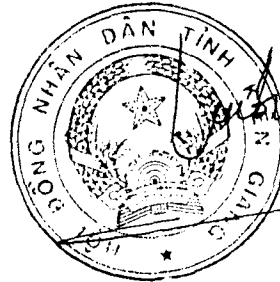
Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa VIII, Kỳ họp thứ 15 thông qua và thay thế Nghị quyết số 141/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 13/2007/NQ-HĐND ngày 11/01/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Danh mục lệ phí địa chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. /: *luc*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Website Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh và tương đương;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Lãnh đạo VP, các phòng, CVNC;
- Lưu: VT, laluc.

**KT. CHỦ TỊCH  
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC**



**Lưu Thị Ngọc Sương**



## BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ ĐỊA CHÍNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2015/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
<b>I</b>	<b>Mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố hoặc thị xã thuộc tỉnh</b>		
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất		
a)	Cấp mới	Đồng/giấy	100.000
b)	Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận.	Đồng/lần cấp	50.000
2	Trường hợp giấy chứng nhận cấp cho hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).		
a)	Cấp mới	Đồng/giấy	25.000
b)	Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận.	Đồng/lần cấp	20.000
3	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	Đồng/lần	28.000
4	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	Đồng/lần	15.000
<b>II</b>	<b>Mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác</b>		Bằng 50% mức thu quy định đối với hộ gia đình, cá nhân tại phường nội thành thuộc thành phố hoặc thị xã thuộc tỉnh.

<b>III</b>	<b>Mức thu đối với tổ chức</b>		
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.	Đồng/giấy	500.000
2	Trường hợp giấy chứng nhận cấp cho tổ chức chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).	Đồng/giấy	100.000
3	Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận.	Đồng/lần cấp	50.000
4	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai.	Đồng/lần	30.000
5	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính.	Đồng/lần	30.000